

Tên đơn vị: Trường THPT Yên Khánh A

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Quý II NĂM 2026

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán NSNN năm 2026				Kinh phí đã sử dụng		Dự toán còn lại	Ghi chú
		Tổng số	Dự toán giao đầu năm (số đã trừ tiết kiệm)	Kinh phí chuyển nguồn năm 2025 sang năm 2026	Dự toán bổ sung trong năm	Số đã chi trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm		
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9=3-8	10
	Tổng cộng	26,659,363	26,149,000	17975	492,388	6,026,860.4	10,425,432.626	16,233,930.374	
1	Kinh phí thực hiện tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	17,950,000	17,950,000			4,443,862.4	8,842,434.626	9,107,565.374	
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	7,746,363	7,236,000	17,975	492,388	1,582,998	1,582,998	6,163,365.000	
2.1	Kinh phí mua sắm	508,000	508,000		-	19,250	19,250	488,750	
-	Mua sắm thiết bị dạy học	470,000	470,000					470,000	
	Mua trang phục dân quân tự vệ	18,000	18,000					18,000	
	Mua thiết bị và bảo hiểm PCCC	20,000	20,000			19,250	19,250	750	
2.2	Kinh phí sửa chữa	4,000,000	4,000,000		-	-	-	4,000,000	
	Sửa chữa công trình	4,000,000	4,000,000					4,000,000	
2.3	Kinh phí đặc thù	3,238,363	2,728,000	17,975	492,388	1,563,748	1,563,748	1,674,615	
-	Duy trì phần mềm tài sản	3,000	3,000			3,000	3,000	-	
	KP chuyển đổi PM Kế toán HCSN Misa Online	7,000	7,000			7,000	7,000	-	
-	KP Miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, khuyết tật	2,248,000	2,248,000			1,237,360	1,237,360	1,010,640	
-	KP ưu đãi dạy người khuyết tật	487,975	470,000	17,975				487,975	
-	KP thi tốt nghiệp THPT	316,388			316,388	316,388	316,388	-	
-	KP ôn thi Tốt nghiệp THPT	176,000			176,000			176,000	
3	Kinh phí khen thưởng ND73	963,000	963,000					963,000	

Ngày 02 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu

Đỗ Mạnh Trung

Kế toán

Đỗ Mạnh Trung

Thủ trưởng đơn vị



Vũ Xuân Sinh

Tên đơn vị: Trường THPT Yên Khánh A

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ II NĂM 2026

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán NSNN năm 2026				Kinh phí đã sử dụng		Dự toán còn lại	Ghi chú
		Tổng số	Dự toán giao đầu năm (số đã trừ tiết kiệm)	Kinh phí chuyển nguồn năm 2025 sang năm 2026	Dự toán bổ sung trong năm	Số đã chi trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm		
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9=3-8	10
	Tổng cộng	26,659,363	26,149,000	17975	492,388	6,026,860.4	10,425,432.626	16,233,930.374	
1	Kinh phí thực hiện tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	17,950,000	17,950,000			4,443,862.4	8,842,434.626	9,107,565.374	
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	7,746,363	7,236,000	17,975	492,388	1,582,998	1,582,998	6,163,365.000	
2.1	Kinh phí mua sắm	508,000	508,000		-	19,250	19,250	488,750	
-	Mua sắm thiết bị dạy học	470,000	470,000					470,000	
	Mua trang phục dân quân tự vệ	18,000	18,000					18,000	
	Mua thiết bị và bảo hiểm PCCC	20,000	20,000			19,250	19,250	750	
2.2	Kinh phí sửa chữa	4,000,000	4,000,000		-	-	-	4,000,000	
	Sửa chữa công trình	4,000,000	4,000,000					4,000,000	
2.3	Kinh phí đặc thù	3,238,363	2,728,000	17,975	492,388	1,563,748	1,563,748	1,674,615	
-	Duy trì phần mềm tài sản	3,000	3,000			3,000	3,000	-	
	KP chuyển đổi PM Kế toán HCSN Misa Online	7,000	7,000			7,000	7,000	-	
-	KP Miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, khuyết tật	2,248,000	2,248,000			1,237,360	1,237,360	1,010,640	
-	KP ưu đãi dạy người khuyết tật	487,975	470,000	17,975				487,975	
-	KP thi tốt nghiệp THPT	316,388			316,388	316,388	316,388	-	
-	KP ôn thi Tốt nghiệp THPT	176,000			176,000			176,000	
3	Kinh phí khen thưởng ND73	963,000	963,000					963,000	

Ngày 02 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị



Đỗ Mạnh Trung

Đỗ Mạnh Trung

Vũ Xuân Sinh